

Sinh hoạt văn học miền Nam trước 1975

Sinh hoạt văn học miền Nam trước 1975

Nhân thời điểm 30 tháng Tư, nhà báo Đinh Quang Anh Thái ghi lại các buổi trò chuyện ông đã thực hiện với một số nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ hiện đang sống tại Việt Nam hay đã ra hải ngoại, để biết ký ức và cảm nhận của họ về cái ngày “làm cho triệu người vui và triệu người buồn” này.

[VOA](#)

VÕ ĐỨC DANH là người cầm bút đã thành danh ở Việt Nam sau 1975. Anh viết nhiều, các tác phẩm tiêu biểu cho ngòi bút sắc bén của Danh là *Nội Niệm U Minh Hạ*, *Đông Cốc Chát*, *Thế Giới Người Diên*, *Canh Bạc*, *Đời Chợ Chờ Đời*...



Võ Đức Danh tại căn nhà ở Nam California Tháng Giêng 2020.

(Hình: Đinh Quang Anh Thái)

Danh sinh ra trong một gia đình “rất cộng sản.” Nói theo cách của nhà văn Lê Phú Khải trong cuốn Lời Ai Điêu “những lần họp mặt gia đình ngày giỗ tết, trừ cái cột nhà, ai cũng là đảng viên cộng sản.”

Vậy mà tới 30 Tháng Tư 2019, ngồi với nhau tại nhà tôi, Danh nâng chén rượu, giọng dưng dưng nói “anh em mình cùng mất nước; anh Thái mất miền Nam, còn tui, Việt Nam bây giờ không còn là Việt Nam của tui nữa.”

Tôi bảo Danh, thực ra đất nước mình nào có mất, mà chỉ bị một tập đoàn cường chiếm, cướp đoạt khát vọng của người dân muốn được sống đúng nhân phẩm.

Lần đầu gặp Danh năm 2011, Danh dẫn theo con gái đang học bên Mỹ, anh bảo con “tía muốn con nghe câu chuyện của những người như bác Thái để hiểu tại sao đất nước mình thung nhụt mà nhiều người phải bỏ nước ra đi như vậy.”

Danh chào đời vào thời điểm chiến tranh ác liệt nhất; và lớn lên ở Cà Mau, trong vùng “giới phóng”, những phần đất mà Việt Nam Cộng Hòa gọi là vùng mất an ninh hoặc vùng Việt Cộng. Danh nói, phía Việt Cộng gọi vùng Quốc Gia là vùng Ngụy quân Ngụy quyền hoặc là vùng “tạm chiếm.”

Tháng Giêng 2020, từ Xóm Lá gần Sài Gòn, vợ chồng Danh chạy ngược chạy xuôi lo mua vé máy bay để sang Mỹ ‘trốn dịch Covid 19’ đang có nguy cơ bùng phát ở Việt Nam và để đoàn tụ với 2 con gái đã định cư tại Nam California từ nhiều năm qua.

Đến thăm Danh, vợ Danh nấu cho ăn mấy món thuần quê Nam Bộ: Cá kèo kho tiêu, canh bầu, thịt luộc chấm mắm ớt. Câu chuyện miên man dần dần tái sinh hoạt văn hóa của miền Nam trước 1975, Danh nói, ba Danh và cả dòng họ đều đi theo kháng chiến. Ba của Danh hồi ấy là xã viên, trưởng ban binh vận xã nên nhà Danh thường là điểm hội họp của cơ quan ba Danh và có khi cũng là điểm họp của xã ủy. *“Vì thế mà những câu nói mang tính ‘thời sự’ của mấy chú, mấy bác sớm gieo vào trí nhớ tôi đến*

mức thuộc lòng. Những buổi tối, tôi hay bày ra một trò chơi, lấy giấy cắt thành một vòng tròn trên giường giấy làm các ‘nhân sự’ trong cuộc họp, và tôi đóng vai người lãnh đạo, phát biểu với các ‘đồng chí’ trong chi bộ.”

Giọng “rất” Nam Bộ, Danh hồi tưởng nguyên văn lời đã từng phát biểu trong trò chơi thời thơ ấu: “Thưa các đồng chí, vùng nông thôn giấy phóng của chúng ta tuy còn nhiều khó khăn, tuy còn phải chịu một mất đau thương bởi bom đạn của quân thù, nhưng chúng ta không kém bằng hàng triệu đồng bào ta ở các đô thị miền nam đang chịu đựng sự kìm kẹp của đế quốc Mỹ, từng ngày, từng giờ họ đang chờ chúng ta vùng giấy phóng . . .”

Tuổi thơ của Danh gắn liền với hình ảnh các “chú Việt Cộng” đêm đêm đem súng vào làng. Sau đó, vì chiến tranh ngày càng leo thang, mẹ Danh gửi Danh vào quê ngoại để đi học trường tiểu học cộng đồng ở một vùng “tạm chiếm”. Danh nói, gọi là vùng tạm chiếm nhưng chỉ cách tỉnh lỵ An Xuyên chưa đến mười cây số. Một vùng ven trù phú và rất bình yên. Thành thông có mấy anh mặc quần đen từ ngoài chợ chạy xe đạp vô dạy đám trẻ cùng tuổi với Danh múa hát, và gọi là đoàn thiếu nhi nông thôn. Sau mỗi buổi sinh hoạt, ông xã trưởng mặc quân phục tới phát cho đám trẻ mỗi đứa một ổ bánh mì, ông luôn dặn dò các em phải cố gắng học giỏi, phải biết vâng lời ông bà cha mẹ, phải biết lễ phép với người lớn tuổi, phải biết ôn hòa với bè bạn và em út trong gia đình. Có khi ông đến sớm và cùng vỗ tay và hát với đám Danh:

Em là đoàn thiếu nhi nông thôn
Cùng vui sống bên bờ tre ruộng đồng
Em là đoàn thiếu nhi nông thôn
Biết mến yêu quê mình
Em áo rách nhưng lòng không rách
Em biết yêu cha mẹ khó nhọc
Đề nghị hỏi cho nhà em no ấm
Đề nghị hỏi cho đồng thêm lúa xanh

Danh nói, hàng năm, khi bãi trường thì Danh lại khăn gói vào quê, tạm biệt ngôi trường, tạm biệt “vùng tạm chiếm” để vào với

gia đình ở “vùng giải phóng”.

Danh kể “Những chiều êm ả sóng giao tranh, các anh bộ đội thường ra xóm vui chơi với bà con, tôi tôi, các anh thường gọi mẹ đưa trẻ chúng tôi lại vây quanh dạy múa hát:

*Qua miền Tân Đức cây là dừa xanh mát
Bóng tre vườn cau đã chứa bao hồn căm
Bộ đội ta ở đây giải phóng quê nhà
Quân với dân một lòng
Cùng đồng tâm tiêu diệt hết quân thù*

Sau ba tháng hè, ngày tựu trường lại đến, tôi lại trở về ‘vùng tạm chiếm’, lại hát:

Em là đoàn thiếu nhi nông thôn
Em biết yêu cha mẹ khó nhọc . . .

Và cứ thế, tôi cứ trôi theo dòng chảy của cuộc đời như đám lục bình trôi theo dòng nước, không thể lựa chọn bờ.

Thật rồi cái dòng chảy ấy dừng lại thành cái mốc lịch sử 30 Tháng Tư như cái định mệnh cho ” triệu người vui và triệu người buồn.”

Danh uống rượu, và trong vài ba lần gặp nhau, lúc ngà ngà hơi men, có khi Danh còn hát vọng cổ cho tôi nghe. Chất giọng mạnh, sang sảng, Danh hát bài “Ghe Chiều Cà Mau” hay tuyệt.

Hồi Danh về kể niệm nào đáng nhớ nhất trong ngày 30 tháng Tư năm 75, Danh nói, lúc hơn 10 giờ trưa, “tôi ôm chiếc radio, mở hết volume chạy trong mưa, chạy dài theo xóm, vừa chạy vừa la: Dương Văn Minh đưa hàng rồi bà con ơi ! Giải phóng rồi bà con ơi! Nhưng rồi sau đó không lâu, bỗng một ngày, mẹ đưa bạn học cùng trường cùng lớp với tôi mặt mày buồn sứt, có đứa khóc ròn vì một sự cố xảy ra: Đánh tư sản! Đang giàu có bỗng trở thành kẻ trống tay, đang nhà cao cửa rộng bỗng trở thành kẻ vô gia cư. Đứa thì theo cha mẹ vô sân chùa căng lều che mưa che

*những, đưa vào quê tá túc với họ hàng, đưa vượt biên, đưa bỏ
thây ngoài biển.*

*Tôi rùng mình nhớ lại trò chơi tuổi thơ, giờ làm lãnh đạo phát
biểu hùng hồn với mấy chiếc ghế quanh giường: . . . Thừa các
đồng chí, vùng nông thôn giờ phóng cửa chúng ta tuy còn nhiều
khó khăn, tuy còn phải chịu một mất mát đau thương bởi bom đạn của
quân thù, nhưng chúng ta không kém bằng hàng triệu đồng bào ta
ở các đô thị miền nam đang chịu đựng sự kìm kẹp của đế quốc
Mỹ, từng ngày, từng giờ họ đang chờ chúng ta về giải phóng . .
.”*

TUẤN KHANH từng tốt nghiệp Nhạc Viện ở Sài Gòn bộ môn flute và
sáng tác nhạc từ năm 17 tuổi. Nhiều năm gần đây, anh là
Facebooker nổi tiếng với rất nhiều bài viết nêu lên những thềm
trạng của đất nước và con người Việt Nam, và vạch trần những
đội trá của chế độ. Có lần, nhà báo Huy Đức, tác giả cuốn Bên
Thung Cuộc, nói với tôi, Khanh viết hay đến độ, nhiều người
trong giới cầm bút ở Sài Gòn nói với nhau, sáng sáng thức dậy
mong đọc bài của Khanh.



Tuấn Khanh (hình Uyên Nguyên)

Mỗi lần Khanh từ Việt Nam sang Mỹ thăm gia đình, chúng tôi thường tìm đến nhau để hỏi han tin tức “quê nhà quê người.” Những đêm trò chuyện, nghe Khanh nói, tôi có cảm tưởng lửa đang bùng cháy trong lòng Khanh khi Khanh bày tỏ nỗi phẫn uất về những chuyện xảy ra cho người dân trong nước.

Năm nay, dịch Covid 19 đang tàn phá nhiều quốc gia, không thể Khanh sang chơi. Tôi email về Sài Gòn hỏi Khanh, rằng trong mắt Khanh, sinh hoạt văn học miền Nam ra sao, Khanh email trả lời:

Mùa hè năm 2000, trong một lần trò chuyện với một biên tập viên văn học có tên tuấn từ miền Bắc vào, tôi có nhắc đến việc sắp kỷ niệm 3 năm mất của Bùi Giáng, một thi sĩ lừng danh miền Nam.

Đó là lần trò chuyện gần nhất, tôi không sao quên được. Người biên tập viên đưa ra các tác phẩm văn học của Pháp, Đức và Nga đã cười nhẹ, như chừng thương hại tôi ‘Nói thật, Bùi Giáng có gì đâu mà xuất sắc. Chỉ là người miền

Nam mầy anh cứ nòng lên.’ Tôi sửng người, vì chưa bao giờ trong đời đối mặt với một sự phẫn nhận tàn khốc đến vậy. Sự phẫn nhận cứ như xô tôi – một người miền Nam hoàn toàn trung dung – vào bờ biển như một người bị đắm tàu, trôi dạt và kiệt sức. Quyết phục tôi về sự vĩ đại của nền văn học miền Bắc, người biên tập viên ấy không ngớt về Nguyễn Khôi, Nguyễn Tuân, Xuân Quỳnh, Việt Phương... tôi im lặng nghe, nhưng trong đầu cứ quay cuồng với suy nghĩ về cái huyệt sâu thẳm chia rẽ nhận thức của người Việt với người Việt đến vậy. Nhưng tôi quyết định không thuyết phục người đối diện. Bởi, văn hóa hay tri thức, là điểu phải tự đến, không phải bằng thừng – một cuộc tranh cãi.

Mười năm sau, tôi gặp lại người biên tập viên ấy, ở đường sách Sài Gòn đối diện Vương Cung Thánh Đường, nơi các nhà sách đương thời xếp hàng nhau trưng bày các ấn phẩm mới. Nhưng nơi đó, đặc biệt có những quầy sách cũ của miền Nam Việt Nam trước 1975, lúc nào cũng có người cầm cúi tìm, lật, đọc. Người biên tập viên ấy cười, chào và nói anh đang tìm mua một số sách cũ. ‘Ở đây thì đắt nhưng còn chịu được, chứ bọn con buôn vác ra Hà Nội thì đắt gấp mấy lần.’ Trong những chông sách cũ ấy, có đến các tác giả được nhà nước cho phép in không vui khi thấy tên. Tôi kéo ra cuốn Hoàng Tỳ Bé của nhà văn Pháp Antoine De Saint-Exupéry do Bùi Giáng dịch, và nói rằng bao nhiêu năm đọc lại vẫn thú vị. ‘Vâng, Bùi Giáng thì siêu rồi,’ người biên tập viên ấy nói, hào hứng.

Tôi không nhắc lại câu chuyện mà tôi như bị rạch trong tim từ 10 năm trước. Như vậy chắc là đúng. Nhận thức là thời gian, và sự khác biệt của văn học miền Nam là thẳm sâu và chiễm trợn trái tim, không cần một sự thuyết phục nào. Văn hóa miền Nam bị giằng xé rách rưới, đứng giữ đặng bùn lầy, vẫn mồm cười kiêu hãnh, bắt chấp đạo quân chiến tranh năm 1975 đã trút mọi căm thù lên bằng cách đốt, cầm, bắt cả những người viết sách đi tù.

Tôi được nghe rằng sau năm 1990, có một chuyến đạo từ Hà Nội, rằng những gì mà miền Nam đã có, nguồn lực của chế độ mới có

thì thay thế, thì phải ra sức thay, để nhìn chìm văn hóa miền Nam vào quên lãng. Chẳng hạn như sách dịch: cuốn Hoàng Tỳ Bé, bản gốc *Le Petit Prince* của nhà văn Pháp Antoine De Saint-Exupéry do Bùi Giáng dịch được thay bằng bản mới là Hoàng Tỳ Nhỏ. Bả Già, nguyên tác *The Godfather* của Mario Puzo, bản dịch của Ngọc Thứ Lang, thì được thay bằng bản mới là Ông Trùm. *Đỉnh Gió Hú*, nguyên bản của Emily Brontë do Nhật Linh chuyển sang Việt ngữ thì thay bằng *Đỉnh Gió Hú*...

Rõ ràng, có một chủ trương muốn thay thế và cào bằng đỉnh với văn học miền Nam, nhưng có vẻ như sức sống của một giai đoạn văn chương và tri thức của hai nền Cộng Hòa vẫn đứng vững. Những cuốn bản được nhặt lên từ bùn lầy, bị xô giạt rách rưới, vẫn tỏa sáng kỳ lạ đến tận hôm nay.

Chuyện khác, để thay sự di sản gì đó cần. Và thú vị thay, tôi còn nhìn thấy những người bạn trẻ quanh mình, từ phía Bắc, lớn lên và được tắm mát từ những gì đã bị phớt lờ.

THÚY HÀ, từng có thời làm thư ký tòa soạn báo Phụ Nữ của đảng. Sau đó Thúy Hà lấy chồng là con một ông sĩ quan “ngụy” cao cấp, cùng chồng sang Mỹ định cư. Hà viết nhiều, và đã viết một số bài về văn học Miền Nam, đặc biệt là về thơ Cao Tồn (Lê Tắt Địch). Có lần nói chuyện với Hà về thơ Cao Tồn, cả hai chúng tôi đều rất tâm đắc bản câu trong bài “Mai Mất Anh Tròn V”:

Nếu mai mất bóng đời đời phen nữa
Ông anh hùng ông cứu được quê hương
Ông sẽ mở ra nghìn lò cửi tạo
Lùa cả nước vào học tập yêu thương



Thúy Hà (hình tư liệu Đinh Quang Anh Thái)

Tháng Tư 2020, cả thế giới chào đón vì con virus Covid-19, không ai ra khỏi nhà, nên chỉ nói chuyện với nhau bằng phone, bằng email. Gọi cho Hà hỏi thăm sinh hoạt gia đình cô ra sao, rồi câu chuyện dầy đưa đến đề tài văn học Miền Nam trước 1975 đối với lớp trẻ sinh ra và lớn lên sau thời điểm đó.

Hai ngày sau, Thúy Hà gửi cho tôi những giòng sau đây:

Covid chợt bùng lên, Chiếu Trên Phá Tam Giang còn dai dẳng...

Trong những tuần qua trên Facebook, tôi thấy một số bạn bè mình ở Sài Gòn, ở Hà Nội... đăng tải những tấm ảnh thành phố vắng người kèm theo lời hát “Chiếu Trên Phá Tam Giang” như một sự liên tưởng thú vị và thi vị. “Giờ này thương xót sắp đóng cửa... Giờ này thành phố chợt bùng lên...”

Thật lạ, khi một bài tình ca thời chiến lại in dấu trong tiềm thức những người Việt ở lứa tuổi thậm chí còn chưa hề trải qua chiến tranh, ở cả những người sinh ra và lớn lên bên kia chiến tuyến nơi bài hát xuất xứ- một bài hát từng bị cấm đoán tại Việt Nam sau 1975.

“Thật lạ”- đó là cảm giác của tôi năm 18 tuổi lần đầu nghe bài hát này ở một quán cà phê Thủ Đức khi đang là sinh viên Văn khoa năm thứ hai (cuối thập niên 90). Lời tự sự yêu đương, khúc khoai, xao xuyến tự nhiên đi vào lòng người nghe- một cô gái trẻ, là tôi. Lúc đó tôi không hề biết bài hát phê thơ Tô Thùy Yên- trong giáo trình đại học khoa Ngữ văn không hề có tên ông và bóng dáng nền văn học miền Nam giai đoạn 1954-1975. Khoảnh trang văn học thuật đó cũng không hề gợi nên thắc mắc nào trong thế hệ sinh viên-cửu non chúng tôi thời bấy giờ.

“Thật lạ” ở cấp độ cao hơn- “sững sờ”- là cảm giác hơn 20 năm sau đó, khi tôi lần đầu đọc được nguyên bản bài thơ Chiếu Trên Phá Tam Giang trên một trang mạng. Bài thơ nằm ngoài sự tưởng tượng của tôi về Chiếu Trên Phá Tam Giang mà tôi chỉ biết lâu nay qua ca khúc.

Bài thơ dài 155 câu, dầy dặn, truyên cảm và sống động như một

cuộn phim màn ảnh rộng. Thơ của một người từng là trưởng phòng tâm lý chiến quân đội Việt Nam Cộng Hòa mà lại tự vịn hoang mang thế này ư? Giữa thời điểm 1972 khốc liệt mà người lính lại đọc thơ, trăn trối, suy tư về thân phận, về chiến tranh, về sống chết, về tuối trời, về tình yêu và về sự thương xót đến như vậy ư? Nhất là cái tình con người thương xót con người-với kẻ thù bên kia chiến tuyến, khi cả hai đều không thoát khỏi bánh xe lịch sử và cùng phải đối mặt với tử thần.

Điều gây ấn tượng mạnh với tôi về bài thơ ngoài nghệ thuật ngôn từ chính là cái chết Người lộng lẫy ấy. Con Người được bày tỏ tận cùng tâm trạng của mình trước thời cuộc mà không bị trói buộc bởi ý thức hệ, mưu toan chính trị hay chế độ kiểm duyệt nào. Tôi tìm đọc thơ Tô Thùy Yên cũng từ đó, và yêu thích thơ ông cũng từ đó, tuy trăn trối nhưng vịn kịp. Sau này tôi biết thêm: Chiếu Trên Phá Tam Giang được coi là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của nền thi ca miền Nam giữa cuộc chiến.

Những tuần qua, việc lock down, cách ly xã hội diễn ra gần như trên toàn cầu và nhu cầu bày tỏ tâm trạng của con người trước biến loạn thời cuộc bằng văn chương nghệ thuật lại trỗi dậy. Và không phải ngẫu nhiên những người bạn của tôi những ngày này bình nhấc lại bài thơ Chiếu Trên Phá Tam Giang của Tô Thùy Yên, và Trần Thiện Thanh phổ thành ca khúc, xem lại những bức tranh về sự khốn khổ cô đơn của Edward Hopper...

Nghệ thuật đích thực về con người sẽ trường tồn dai dẳng, mà Covid-19 chỉ là cơn dịch có nhiệm vụ nhắc nhở chúng ta...

TÔNG VĂN CÔNG từng có 56 năm là đảng viên Cộng Sản và từng là tổng biên tập báo Lao Động, một trong những cơ quan tuyên truyền “mũi nhọn” của chế độ. Ông bỏ đảng năm 2014 và xuất bản tại Mỹ cuốn hồi ký ‘Đến già mới chợt tỉnh – Từ theo cộng đến chống cộng’.



Tòng Văn Công (hình Uyên Nguyên)

Đến thăm ông vào một chiều cuối Tháng Năm 2016 khi vợ chồng ông vừa từ Việt Nam sang định cư tại căn nhà người con gái ông ở thành phố Stanton-California. Tuổi đã ngoài 80, ông nhìn vẫn khỏe, đôi mắt tinh anh, nước da “như còn bám chút phèn” của vùng quê Bến Tre của ông.

Gặp lần đầu tiên nhưng bản tính xởi lởi Nam Bộ của ông làm tôi không còn rụt rè. “*Chú ở lại ăn cơm với anh chị nhé,*” ông Công nói “thẳng như ruột ngựa” và coi như đương nhiên tôi nhận lời. Bữa cơm có Thúy Hà, từng một thời là thư ký tòa soạn báo Phụ Nữ của ông. Chính nhờ Hà và một nhà báo còn ở trong nước nên tôi mới có dịp gặp ông Công.

Ba năm liền, tôi đến thăm ông Công nhiều lần và thường là ở lại ăn cơm với hai ông bà để có nhiều giờ nghe ông nói chuyện. Có lần, cuối buổi ăn, ông nói về nhận xét của ông đối với sinh hoạt văn học của miền Nam thời 1954-1975.

Nhấp chút rượu vang đỏ, ông Công từ tốn nói, “*trước khi cầm bút, tôi được dạy rằng ‘báo chí là tiếng nói của Đảng’.* Do làm đúng như thế, tôi trở thành Tổng biên tập ba tờ báo của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Tháng Chín năm 1969, khi ông H[] qua đời, báo chí miền Bắc đăng lại bài viết của giáo sư Lý Chánh Trung đã đăng trên báo [] Sài Gòn, ca ngợi ông H[] là một nhà ái quốc. Tôi hết sức kinh ngạc: ‘[] lạ nh[], báo chí của họ là tiếng nói của ai ? Tại sao họ có thể đăng bài ca ngợi kẻ thù của chế độ?’

Sau này tôi mới được biết ông Hoàng Đức Nhã, Tổng trưởng Dân vận và Chiêu hồi của Việt Nam Cộng Hòa tuyên bố : “[] Việt Nam Cộng Hòa không có báo chí viết tốt cho chính quyền. Báo chí chỉ viết tốt cho các cương lĩnh của cá nhân, của các nhóm chính trị, của các tôn giáo và thu[]n túy vì mục đích thương mại. Tức là báo chí được tự do nói lên quan điểm của mình đối với mọi sự kiện mà không bị chính quyền ràng buộc.

H[]i ông, thế lúc bấy giờ, ngoài Bắc thì sao, ông cho biết, ông và những người cầm bút khác được dạy là văn học phải sáng tác theo chế độ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa , tác phẩm có giá trị trước hết phải “có tính Đ[]ng sâu sắc”. Nhưng theo ông thì các tác phẩm “được đ[]ng đánh giá là xuất sắc sao mà quá t[] nhạt!”

Ông nghĩ sao về giai đoạn sau Tháng Tư năm 1975, các loại sách của miền Nam bị tiêu hủy khiến nhiều người buộc phải đem sách ra bán trên vỉa hè như bán gi[]y lộn với giá rẻ như cho, ông nói, “Tôi cũng như nhiều người yêu sách được dịp mua nhiều quyển sách quý : Âm Thanh Và Cuộc Ngộ của William Faulkner, Dr. Zhivago của Pasternak, Mùa Hè Sa Mạc của Albert Camus... Đặc biệt là sách của các nhà văn Miền Nam như Th[]m Hoang, Người Kéo Mìn, Chuyện Bé Phụng của Nhật Ti[]n, Tiếng Chim Vườn Cũ của Nguyễn Mộng Giác, Vòng Tay Học Trò của Nguyễn Thị Hoàng ... Thơ của Tô Thùy Yên, Nguyên Sa, Du Tử Lê...

Sau này tôi được biết, trong l[] phát gi[]i văn chương toàn quốc năm 1961-1962 , ông Trương Công Cừu, Bộ trưởng Đặc nhiệm Văn hóa và Xã hội của Việt Nam Cộng Hòa đã chúc các nhà văn miền Nam xây dựng xã hội mới ‘một thế giới g[]m vóc mỹ lệ, dẹt bằng tình bác ái không vụ lợi, bằng đức liêm khiết không x[]o trá, và bằng tài trí không tự tôn tự đại.’ Trong một bài viết của

Tiền sĩ Lubomir Svoboda, nhà phê bình văn học của Tiệp Khắc thời cộng sản nhận xét tác phẩm Người Kéo Màn của nhà văn Nhật Tân: ‘Với bút pháp đầy trí lực, và cao hơn, tính nhân văn hay nói một cách chính xác là ông đã viết tác phẩm này bằng một trái tim nhân hậu, biết yêu thương và biết căm giận...’

Tôi nghĩ, có thể dùng hai nhận định nói trên để đánh giá chung cho nền văn học của Việt Nam Cộng Hòa.”

NGUYỄN THANH BÌNH chào đời tại tỉnh Thái Nguyên, Việt Bắc, nơi là căn cứ địa của Việt Minh. Gốc gác gia đình Bình là dân Nam Bộ và “tập kết” ra Bắc năm 48. Lúc Hội Nghị Genève đang diễn ra ở Thụy Sĩ, thân sinh của Bình, ông Nguyễn Thanh Hà (tên thật là Nguyễn Thành A), đang ở Genève với cương vị tổng thư ký đoàn đại diện Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Thân mẫu Bình, bà Huỳnh Thị Phi, người Vĩnh Long, sau đó mới ra Bắc, và sau năm 1954, làm nhân viên hành chánh của bộ Ngoại giao.

Hai đứa tôi sinh cùng năm. Chờ hơn kém nhau 8 tháng.

Hai đứa tôi quen rồi thân nhau đúng là do “duyên nghiệp”, như cách Bình thường nói.

Nhà báo Huy Đức là người giới thiệu hai đứa tôi với nhau.



Nguyễn Thanh Bình tại Buôn Mê Thuật năm 1973. (Hình tư liệu Đinh Quang Anh Thái)

Năm 2015, tác giả “Bên Thềm Cuộc” đến thăm tôi. Thấy trên bàn tôi có cái tẩu hút thuốc màu trắng, Huy Đức nói, anh cho em đem về biếu một người bạn ở Việt Nam.

Khoảng một tháng sau đó, trên trang Facebook của Hòa Sĩ Nguyễn Thanh Bình ở Sài Gòn có đăng hình cái tui với giòng chữ: Cảm ơn Thái Đình.

Vừa vẹn 4 chữ, thôi thôi. Sau đó, thỉnh hoặc chúng tôi có liên lạc với nhau thì cũng chỉ là những câu ngắn gọn, nhưng tôi đọc nhiều bài viết của Bình và nghe bằng hữu ở quê nhà nói về chàng họa sĩ nổi danh này, tôi hình dung được Bình, một người đôn hậu, cởi mở, có lòng nhân.

Một buổi tối đầu Tháng Tám 2019, lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau khi tôi đón Bình từ Việt Nam sang Mỹ chơi.

Ba tuần ở với nhau, chúng tôi nói đủ thứ chuyện, chuyện đời, chuyện đất nước, chuyện người, chuyện mình... và nói về sinh hoạt văn học miền Nam. Bình nhận xét: *"1954, người ta lấy một dòng sông chia đôi đất nước, một nửa phía Bắc, đứt lìa khỏi dòng chảy của Nam Phong, Tự Lực Văn Đoàn, nửa phía Nam vẫn tiếp nối và song hành cùng văn học thế giới. Những ai quan tâm đến văn học Việt Nam nói chung và miền Nam nói riêng (giai đoạn 1954 – 1975) không thể không biết những tên tuổi như Đoàn Quế Sỹ, Võ Phiến, Trần Hữu Tá, Võ Hòng, Nguyễn Sa, Thanh Tâm Tuyn, Du Tử Lê, Tô Thùy Yên ... duy trì một nền văn chương chuyên nghiệp. Đó là một nền văn học đúng nghĩa, đúng chức năng đối với xã hội, chỉ nhằm vào đối tượng duy nhất là con người."*

Diện mạo văn học miền Nam (1954 – 1975) có nhiều gương mặt nổi bật, tuy nhiên, cũng giống như hội họa hay âm nhạc ở miền nam trước 75, nó không tạo ra được sức mạnh có tầm ảnh hưởng sâu đậm như Tự Lực Văn Đoàn và văn nghệ tiên chiến. Những cây bút xuất sắc nhất, tự mình tỏa sáng, tài năng của mỗi người được bộc lộ toàn, hợp thành mảng văn học Việt Nam phong phú, đầy màu sắc, nhưng chưa đủ để soi rọi những góc ngách sâu xa của dân tộc đau khổ, oằn mình vì thời cuộc, bởi cuộc nội chiến tương tàn, thảm khốc ấy, có vai trò rất quan trọng trong tiến trình lịch sử của đất nước. Tự Lực Văn Đoàn là sự xuất hiện một văn đàn mang hồn cốt của dân tộc, trong bối cảnh nô lệ,

điều này, nói ngắn gọn là ‘hàn dân tộc’ không bao giờ mất, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, mà điều kiện của nó là sự tự do ngôn luận. Miền Nam trước 1975, quyền tự do ngôn luận được thực dân chủ bảo đảm, các nhà văn đã làm hết trách nhiệm của mình, đã đặt những dấu ấn không phai mờ, nhưng uy lực đã không còn rực rỡ như các bậc tiền bối.

Tuy nhiên, lịch sử văn học Việt Nam hiện đại, sẽ tạc tên những người như Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyn, Tô Thùy Yên, Du Tử Lê, Nhã Ca, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Sa, Dương Nghiễm Mậu và cả Bùi Giáng ... lên tượng đài của mình, như là một phần tốt đẹp của hàn dân tộc những năm tháng khói lửa, đau thương ...

Và Bình đọc bốn câu thơ của Bùi Giáng để kết cho buổi nói chuyện kéo dài quá nửa đêm giữa hai đứa:

“Em từ vô tận dư vang
Kết chùm cỏ mọc đá vàng thiên thâu
Em đi từ tình mộng đau
Trùng lai chót vọt đâu điệu chào ... ”

(Bùi Giáng)

TRẦN ĐỈNH là tác giả cuốn “Đền Cù, số phận Việt Nam dưới chế độ Cộng Sản, tự truyện của người từng viết tiểu sử Hồ Chí Minh” xuất bản tại Mỹ năm 2014.

Tết Trung Thu 2014, nhà văn Nhật Tuyn, tác giả cuốn Đi Về Nơi Hoang Dã lúc bấy giờ sống ở Bình Dương viết cho tôi một email ngắn: “Trung Thu năm nay tại Việt Nam trẻ con rước đèn lồng, còn người lớn bận rước Đền Cù của Trần Đỉnh”.



Nhà văn Trần Đình tại Mỹ năm 2015. (Hình tư liệu Đình Quang Anh Thái)

Cuốn sách gây tiếng vang lớn cả trong lẫn ngoài nước vì tác giả tham gia Việt Minh vào lúc mới 16 tuổi và thuộc lớp đảng viên tiên phong gia nhập đảng cộng sản Việt Nam từ năm 1948. Và cũng vì ông còn là nhà báo kỳ cựu của tờ Sự Thật từ những ngày đầu tiên khi báo này thành lập do Trường Chinh làm Tổng biên tập.

Do làm việc trong một cơ quan báo chí cao nhất của Đảng, ông có cơ hội gặp gỡ hầu hết các khuôn mặt của chế độ từ Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Lê Duẩn, tới Lê Đức Thọ, Hoàng Tùng, Địch Mù... và những quan hệ này đã giúp ông sớm nhận ra khuôn mặt thật phía sau chiếc mặt nạ của các chóp bu cộng sản.

Trong vụ án mà chế độ quy chụp là “Xét lại chống đảng”, ông cũng là một nạn nhân, tuy lao tù nhẹ hơn những người khác như Vũ Đình Huỳnh, Hoàng Minh Chính, Lê Trọng Nghĩa, Vũ Thư Hiên...nhưng dù ông thấy được sự đấu tranh gay gắt, song còn giữa hai chế độ trong nội bộ đảng là theo Tàu hay theo Liên Xô cùng với Nghị quyết 9 dẫn tới cuộc chiến xâm lăng miền

Nam bằng võ lực và đ⊙y Đ⊙ng Cộng s⊙n Việt Nam lún sâu vào vòng k⊙m t⊙a c⊙a Trung Cộng.

Là người ch⊙p bút ti⊙u s⊙ H⊙ Chí Minh, Tr⊙n Đĩnh có nhi⊙u cơ hội g⊙n gửi và ti⊙p xúc với nhân vật này, đ⊙ đ⊙ cho ông nêu một nhận định ng⊙n gọn nhưng rõ nét v⊙ ông H⊙: *“Lòng trung c⊙a H⊙ Chí Minh đ⊙i với Lê Nin, Stalin, Mao Trạch Đông là vô bờ. Cho nên lòng trung với nước Việt, dân Việt vơi đi.”*

Su⊙t thời gian Đền Cù còn trong dạng b⊙n th⊙o, tác gi⊙ thường xuyên trao đ⊙i với tôi v⊙ những đoạn c⊙n thêm vào, hoặc c⊙n c⊙t ng⊙n, nhờ vậy, tôi th⊙y được đi⊙m đáng quý nh⊙t c⊙a ông là tuyệt đ⊙i không b⊙o th⊙ ý ki⊙n c⊙a mình mà r⊙t tôn trọng ý người khác. Trong một email vi⊙t cho tôi, ông nói, b⊙n thân ông đã s⊙ng h⊙u h⊙t cuộc đời trong một xã hội mà Đ⊙ng và lãnh tụ chi⊙m *“đặc quy⊙n vi⊙t, đặc quy⊙n nói,”* ch⊙ dùng các nhà văn làm đ⊙y tó, mà *“ôi đã làm đ⊙y tó thì có đời thu⊙ nào còn dám sáng tạo?”* Vì vậy, ông ch⊙ trương, tác gi⊙ có công đ⊙ ra tác ph⊙m, nhưng chăm bón cho nó thành hoàn h⊙o đ⊙ ra m⊙t độc gi⊙ là có bàn tay nhà xu⊙t b⊙n, nên nhà xu⊙t b⊙n có quy⊙n t⊙a bớt *“những cành lá làm m⊙t đẹp cái cây.”*

Đ⊙u năm 2015, tác gi⊙ Đền Cù từ Việt Nam sang thăm Mỹ. G⊙n một tháng ông ngao du thăm bà con, bạn bè và văn hữu ch⊙ mới nghe ti⊙ng nhau mà chưa bao giờ gặp mặt. Những ngày được h⊙u chuyện với ông, ông cho tôi nghe những nhận xét h⊙t sức sâu s⊙c v⊙ người và việc.

Đ⊙i với sinh hoạt văn học mi⊙n Nam thời trước 1975, ông nói *“Tôi là người được hoàn c⊙nh ưu ái có lẽ đặc biệt. Từ bé tôi đã s⊙ng trong môi trường sách hàng nghìn quy⊙n c⊙a gia đình-cũng như có th⊙ m⊙i tu⊙n xem điện ⊙nh đ⊙u đặn vài ba bu⊙i không m⊙t ti⊙n. Được đọc, được xem với tôi g⊙n như đã thành sự thường tình. ⊙ căn cứ địa Tân Trào, dưới trướng t⊙ng bí thư Trường Chinh, tôi xem các báo Pháp, Mỹ cùng hàng giá ti⊙u thuy⊙t Pháp, Mỹ trong tay Đức Sáu Ngón, bạn tôi, cai qu⊙n thư viện c⊙a Trung ương. Nói th⊙ đ⊙ nh⊙n rằng với việc đọc, tôi như đã quen không ch⊙p nhận rào c⊙n cho cái đọc. Do đó ⊙ B⊙c*

Kinh học xong về nước, trong hai năm 1961, 62, tôi đã nhót lấy hầu hết các báo chí, tập san văn nghệ, văn học của Sài Gòn để đọc. Và xin nói thật, thầy ngập ngay vào cái dòng chảy văn học dân tộc đậm đà chất hiện sinh của nghĩa Sartre và Camus hơn cái dòng chảy cuốn cuộn nhưng gì tạo của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Tôi đã thích những Võ Phiến, Doãn Quốc Sãi, Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyn, Thuy Uyên, Nguyễn Thị Hoàng, Bình Nguyên Lộc, Uyên Thao, Tô Thùy Yên, Du Tử Lê, Cung Trầm Tưởng, Túy Hồng, Phan Nhật Nam, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Thụy Ý, ... Các anh chị em trong Nam tôi vì họ thất lộ chân thực đến nỗi đau. Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài là vậy đây. Còn anh chị em nhà văn ngoài Bắc thì khác, cứ phải dựa vào cái lý tưởng chưa có, để thêm dệt ra những điếu viển vông để ca ngợi... Và cuối cùng rồi sao? Xôi hỏng, bèo không.

Đêm đưa ông Trần Đình ra phi trường bay về Sài Gòn, có một thoáng tôi buột miệng hát mấy câu trong một ca khúc mà chính tôi không nhớ tên: “Dù rằng sau mưa bão gió hiên hòa lại về vãn thây lòng hoang vu, cuộc đời là hư vô bốn ba chỉ xứ người khi mình còn đôi tay.”

Nghe tôi ư ử trong còng, ông nói, này, nghe cháu hát Xin Thời Gian Qua Mau của Lam Phương, bác có cảm tưởng cháu đang lao theo một nỗi buồn đau nào đó đang chạy phía trước.

KIM CHI là khuôn mặt lớn của sinh hoạt điện ảnh miền Bắc trong cuộc chiến. Tên thật và đầy đủ là Nguyễn Thị Kim Chi. Nghề danh của cô văn công Kim Chi trong 10 năm chiến trường miền Nam từ 1964 đến 1974 là Hồng Anh. Sau đó bà trở lại miền Bắc. Những năm tháng bom đạn đó, Kim Chi vừa là MC giới thiệu chương trình, vừa là diễn viên kịch, khi thiếu người, bà cũng múa hát. Bà được bộ đội đặt cho cái biệt danh là “người đẹp rừng xanh.”

Kim Chi nổi tiếng với những bộ phim như Nước Việt Bắc Hưng Hải,

Mùa Gió Chướng, Cánh Đòng Hoang. Tháng Giêng năm 2013, bà Kim Chi đã từ chối làm hồ sơ khen thưởng nghệ sĩ của Thủ tướng CS Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng vì cho rằng ông Dũng đang làm nghèo đất nước, làm khổ nhân dân.

Nguyên văn lời tuyên bố của bà là: “Tôi không muốn trong nhà tôi có chữ ký của một kẻ đang làm nghèo đất nước, làm khổ nhân dân. Với tôi, đó là một điều rất tổn thương vì cảm giác của mình bị xúc phạm.”

Ngày 4 Tháng 11 năm 2018, nghệ sĩ Kim Chi chính thức tuyên bố ra khỏi Đòng Cộng sản Việt Nam. Trong lá thư gửi đòng, bà viết, “Lẽ ra tôi đã làm việc này cách đây gần 3 năm trước, khi ông Nguyễn Phú Trọng tái đắc cử Tổng Bí thư Đòng CSVN. Bởi tôi biết ông Trọng một mực theo đuổi CNXH – con đường tằm tui không có tương lai cho đất nước, đi ngược xu thế tiến bộ của nhân loại.

Nhưng ngày đó, lão tướng Nguyễn Trọng Vĩnh – cựu Đại sứ Việt Nam tại Trung Quốc, Giáo sư Chu Hào, và chúng tôi (ô. Vũ Linh), cùng nhau bằng hữu tâm huyết khuyên tôi kiên nhẫn lại để giúp những người tốt trong Đòng CSVN nhận biết lẽ phải.

Tôi đã kiên nhẫn tui bày chính kiến ôn hòa trong mọi việc:

- Xuống đường biểu tình vì nhân quyền, chế độ đất nước, môi trường sống...
- Viết Facebook lên án những sai trái của an ninh, giới chức nhà nước.
- An ủi, sẻ chia cùng tù nhân lương tâm, bà con dân oan...

Tham gia các hoạt động xã hội dân sự, với thiện ý xây dựng, tôi thành tâm mong góp tiếng nói phản biện, nhằm thức tỉnh lương tri những người đang chèo lái vận mệnh đất nước. Tôi chưa bao giờ có ý tư tưởng lật đổ, căm xúy bạo lực, mà luôn thật lòng mong mọi những người giữ trọng trách trong guồng máy nhà nước thay đổi tốt đẹp, biết yêu nước, thương dân.

Nhưng đáp lại thiện chí của chúng tôi là sự đàn áp ngày càng khốc liệt người bất đòng chính kiến; là ý đồ muốn biến nhân

dân thành bầy cừu; thù ghét, không bỏ những người dấn thân tranh đấu vì những quyền cơ bản, chính đáng của con người, những giá trị phổ quát của nhân loại; hãm hại những trí thức ưu tú muốn khai trí nhân dân.

Trải qua tuổi trẻ ở chiến trường, tôi khát khao giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước. Nhưng than ôi! Khi nhận ra mình đã góp tuổi xanh vào một cuộc chiến huynh đệ tương tàn do mâu thuẫn ý thức hệ quốc tế, tôi vô cùng đau đớn. Nhiều đêm trong tôi thao thức, khi những người ưu tú lần lượt vào tù. Hàng triệu dân oan không nhà làm nhói tim tôi. Im lặng là đang loã cái ác, là có tội...”

Một đoạn khác trong lá thư, bà viết: “Chi nghĩa Mác – Lê Nin, mà Đảng CSVN lấy làm nền tảng tư tưởng, chỉ là một học thuyết phản khoa học, phi thực tế, cố xúi bạo lực ‘đấu tranh giai cấp’, hiêu chiến, tạo bất công, gieo rắc đói nghèo lạc hậu, độc đoán thối tiêu mọi quyền tự do chính đáng của nhân dân...”

...Phản lớn lãnh đạo Đảng CSVN tự hoang tưởng, tha hóa biến chất ngày một tồi tệ, làm đất nước ngày càng tụt hậu, nhân dân lầm than. Đã đến lúc tôi phải rời khỏi cái đội ngũ mà thế lực hắc ám ngự trị trong Đảng CSVN đang lạm dụng làm bình phong che chắn cho động cơ vị kỷ, tệ hại của họ.

Tôi thành tâm mong mỗi ngày càng có nhiều đồng viên có lương tri, còn tâm huyết với dân, với nước, nhất là thế hệ trẻ, tiếp tục rời bỏ Đảng CSVN, rời bỏ Đoàn TN CSVN.

Vận nước, tương lai dân tộc tùy thuộc mỗi người Việt Nam chúng ta.”



Kim Chi thăm vñn an Đức Độ Ngũ Tăng Thñng Thích Quñng Độ.
Bà Kim Chi sang Mỹ nhiñu lñn, thăm con, thăm các học trò cũ và gặp gỡ những người có thời từng bà từng khác chiñn tuyñn. Gặp bà, nghe những câu chuyện cñn bà, quan sát bà, tôi thñy bà là một nhân cách đôn hậu, chân thật, tiêu biñu cho những mñu người trong thơ Phùng Quán “yêu ai cứ bñn là yêu, ghét ai cứ bñn là ghét, dù ai cñm dao dĩa giñt, cũng không nói ghét thành yêu, dù ai ngon ngọt nuông chiñu, cũng không nói yêu thành ghét.”

Một lñn, bà tâm sự: “Trước 75, tôi ñ rùng miñn Đông Nam bộ.

Thịnh thoàng mới đọc lén được một tờ báo của miền Nam, do một ai đó vừa đi thăm gia đình mợc v. Ịn tượng của tôi là những tờ báo ịy được trình bày đẹp mọt và phong phú hơn rọt nhìu báo chí ị miền Bắc lúc bọy giờ. Nhưng tôi không có nhìu cơ hội đợ tiếp xúc với báo chí miền Nam trong giai đoạn đó.

Cho mãi tới năm 1978, sau khi học xong khóa đạo diỊn Sân KhỊu ị Bungaria trợ v, tôi có dịp sỊng và làm việc ị Sài Gòn. Khi ịy tôi dạy ị trường nghệ thuật sân khỊu 2 ị 125 CỊng Quỳnh. Đây là cơ hội vàng đợ tôi tìm hiỊu vợ đời sỊng văn hóa của người miền Nam trước 75. Thịnh thoàng tôi lang thang tới những cửa hiệu bán sách cũ. Tôi ngợ ra vì thỊy mình có quá nhìu điỊu không biỊt. Thì ra báo chí miền Nam khi đó khá tự do. Nó được viỊt ra theo suy nghĩ của những người cỊm bút. Nó được tỊ bày theo chính kiỊn của nhà báo. Báo chí của nhà nước cộng sỊn thì phỊi viỊt theo định hướng của đường lỊi cách mạng và sự chỊ dỊn của lãnh đạo. Các nhà báo ăn lương của nhà nước và thường viỊt theo lệnh của các tỊng biên tập. Mà các tỊng biên tập thì lại nhận lệnh từ cỊp trên (Ban văn hoá tư tưỊng) vợ những chỊ đợ trên trang báo ịy phỊi phỊn ánh. Họ chỊ được phép viỊt ca ngợi chỊ độ. Thịnh thoàng đưa ra vài câu chuyện tiêu cực, nhưng phỊi tránh những nhân vật có tên tuỊi. Luận điệu của họ là ‘phỊi bỊo vệ uy tín cán bộ đợ cho họ lãnh đạo.’ Miền Bắc ngày ịy có nhìu tòa soạn: Thanh Niên, Phụ Nữ, ThiỊu Nhi, TiỊn Phong... nhưng toà soạn báo Nhân Dân là quyỊn uy nhỊt. Nhiệm vụ của tờ báo này là đưa ra chỊ trương chính sách của đỊng. Đội ngũ phóng viên của tờ báo này 100% là ăn lương nhà nước. Có nhìu nội dung quan trọng như phỊ biỊn chính sách thì bài viỊt là của phóng viên, nhưng nó lại được ký tên bỊi một ông to nào đó. Báo chí miền Bắc khi đó nhìu khi phỊi làm nhiệm vụ lái dư luận xã hội qua những chuyện ‘cướp, hiỊp’ đợ tránh một vụ bê bỊi của một quan chức nào đó. Với luận điệu của họ rằng ‘đợ xỊ lý nội bộ’...

Không phỊi báo chí miền Nam trước 75 là tuyệt đợi tự do. Nhưng nỊu so sánh với báo chí miền Bắc ngày ịy và ngay cỊ bây giờ thì báo chí miền Nam thời Việt Nam Cộng Hòa hơn hỊn báo chí

cộng sản Việt Nam.

Đó là sự khác biệt cơ bản của hai nền báo chí: VNCH và CHXHCNVN.

Năm tháng qua đi, tôi càng thấm thía rằng những người cầm bút mà không được viết theo mệnh lệnh của trái tim mình, lại phải viết theo sự sai khiến của ai đó thì chẳng có gì đáng buồn hơn. Tự do tư tưởng là niềm khát vọng cho những người sống có lý tưởng. Người cầm bút phải có TỰ DO TƯ TƯỞNG. Không để cho người ta biến mình thành những con Robo.

Hồi bà, bà có lo sợ cho an ninh bản thân khi lớn tiếng kết án chế độ bằng những lời lẽ như thế, nữ nghệ sĩ có khuôn mặt khôi ngô này nói, bà “từng đi chiến trường 10 năm, không sợ chết vì bom đạn thì bây giờ coi mọi việc nhẹ như lông hồng.”

NGUYỄN THỊ HẬU là tiểu sĩ khoa cử học, được nhiều người biết tới với tên “Hậu khoa cử”. Bà có nhiều công trình nghiên cứu về các nền Văn hóa Óc Eo, Đông Nai, Sa Huỳnh, khoa cử học đô thị... Bà cũng xuất bản nhiều cuốn sách về các thể loại như ký, truyện ngắn, tản văn... Một số tác phẩm tiêu biểu của bà: Thế Giới Mạng Và Tôi, Ngắn & Rút Ngắn, Sài Gòn Bao Giờ Cũng Thế...



Từ trái : Nguyễn Thanh Bình, Trần Đình, Nguyễn Thị Hậu và Hồng Anh.

Nguyễn Thị Hậu sang Mỹ lần gần đây nhất trước khi thế giới bị cuốn vào trận đại dịch Covid-19 là năm 2019.

Gia đình tập kết từ Nam ra Bắc năm 1954, bốn năm sau, Hậu “khô c” chào đời tại Hà Nội. Lớn lên ngoài Bắc và chỉ nhìn thấy miền Nam sau 1975, nên Nguyễn Thị Hậu có giọng nói “thuần Bắc.”

Nhiều lần gặp, ăn uống, trò chuyện, thậm chí còn đi với nhau cả một đoạn đường xa từ Nam lên Bắc Cali, có cả nữ nghệ sĩ trung tâm của Hội Ánh, họa sĩ Nguyễn Thanh Bình và nhà báo Mặc Lâm, nhiều câu chuyện Hậu “khó có” kể đã để lại cho tôi nhiều ấn tượng về sinh hoạt xã hội miền Bắc. Nhất là những cảm nghĩ của Hậu về văn học miền Nam trước 1975.

“Sau năm 1975, nhiều người lần đầu vào Sài Gòn choáng váng khi nhìn thấy cuộc sống của thành phố này: nhà cửa, xe cộ, quần áo và hàng ngàn loại vật dụng sinh hoạt... mà hầu như gia đình nào ở Sài Gòn cũng có, trong khi đó ở miền Bắc chỉ có thể nhìn thấy vài thứ trên phim như “Liên xô”, thậm chí có thứ chưa từng biết đến như TV, tủ lạnh, đồ dùng trong toilet... Có thể đọc những cảm nhận này qua hồi ký của một số người nổi tiếng mới xuất bản gần đây.

Giữa năm 1975 gia đình tôi – một gia đình miền Nam tập kết ra Bắc năm 1954 – đoàn tụ ở Sài Gòn. Những tháng đầu cả nhà ở tạm trong một căn phòng tại cơ quan của ba tôi (là một biệt thự trên đường Trần Quý Cáp). Trong căn phòng chừng hơn 30m vuông có một tủ sách lớn dựng suốt một bức tường. So với tủ sách đơn sơ của nhà tôi ở Hà Nội được đóng bằng những mảnh gỗ tạp, cũng chứa đầy sách, thì cái tủ sách “vĩ đại” này đã thật hấp dẫn ước mơ lớn nhất của tôi khi ấy! Tôi ngỡ và sung sướng làm sao khi trên đó đầy đủ các loại sách truyện, tạp chí... còn phía dưới giá sách là một dàn máy AKAI với một cuộn băng đang nghe đĩa “Sơn ca 7”. Đây là cơ duyên đầu tiên của tôi với văn học miền Nam và với nhạc Trịnh Công Sơn.

Từ cái tủ sách đó giờ nhớ rõ tôi chỉ ôm sách đọc ngấu nghiến, đầu tiên là sách văn học. Lâu rồi tôi không nhớ hết tác giả và tác phẩm, nhưng tôi còn nhớ các tác giả Duyên Anh, Nhã Ca, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thụy Long, Hồ Trường An, Bình Nguyên Lộc, Chu Tí, Hoàng Hải Thủy, Bà Tùng Long, Nguyễn Thị Thụy Vũ... Vài tác giả chuyên sáng tác chuyện miền Tây như Hồ Biếu Chánh, Sơn Nam, An Khê, Lê Xuyên... Những tác giả của Tự Lực Văn Đoàn mà ngoài Bắc chỉ giới thiệu rất ít... Ngoài ra còn nhiều truyện dịch mà ba tôi rất thích; chỉ tôi mê mê với

Quỳnh Dao còn anh tôi thì nghĩ Kim Dung...

Từ năm 1976 vào học đại học Văn Khoa tôi còn được bạn bè giới thiệu và cho mượn sách của các tác giả Mai Thào, Nguyễn Sa, Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền, Võ Phiến, Nguyễn Mạnh Côn, Doãn Quấc Sỹ... lúc này đã bị cấm lưu hành. Rồi khi nhiều thư viện “thanh lý” sách xuất bản tại Sài Gòn trước 1975 ba tôi đã xin được mấy thùng sách về lịch sử của Kim Định, Nguyễn Duy Cần, Nguyễn Đăng Thực, các bộ sử thời Nguyễn... Thề giới văn học của tôi trở nên rộng mở và cũng mang đến cho tôi bao điều mới mẻ, cả những niềm hoài nghi mà tôi phải mất nhiều năm mới giải đáp được.

Lúc đầu tôi không thích lắm vì phần lớn các đầu sách là loại “tiểu thuyết gia đình” với tựa sách gọi cấm và hình bìa nhiều màu sắc, cốt truyện thường đơn giản, xoay quanh những cuộc tình éo le không lối thoát do thân phận, do cuộc chiến, nhiều tình tiết “lâm ly bi đát” giăng tung tích cái lương khi ấy. Đọc xong không để lại ấn tượng gì ngoài một kết thúc buồn, hiếm khi nào “có hậu”. Phải chăng sự thật về chiến tranh luôn hiện diện trên báo chí truyền thông làm cho xã hội bất an, cuộc chiến ngập ngừng bên ngoài đô thành đã làm cho con người mất niềm tin vào tương lai?

Nhưng rồi, dần dần một thế giới mới đến với tôi, rất khác với các tác phẩm văn học tôi từng đọc ở miền Bắc. Từ cao sang đến nghèo hèn, từ quan chức tướng lĩnh đến công chức, buôn gánh bán bưng, thế giới của các tay anh chị, tướng cướp hay gái điếm... tất cả đều hiện diện trong văn chương, không loại trừ “kiêng cử” một ai. Trong nhiều tác phẩm không có ai thật tốt hoặc thật xấu, nhưng vào thời điếm khó khăn thì họ đều bộc lộ phần nhân văn ẩn sâu bên trong... Vì vậy, dù kết thúc buồn nhưng vẫn mang lại cho người đọc cảm xúc đẹp về tình người.

Các tác phẩm về cuộc chiến thực sự khốc liệt, trền trụi, ác liệt... hầu như không có bóng dáng của những lời tuyên truyền “lý tưởng cao đẹp” như ngoài Bắc mà chỉ thấy trong mỗi người lính dấy lên niềm nhớ gia đình, nhớ quê hương, tình đồng đội...

Cũng không thiêu vng cái chết đau đớn của những người lính, nỗi đau giằng xé của vợ góa con cô, nhưng ước mơ một ngày giết dị bên gia đình, bên “người yêu bé nh” khi đã “tàn con binh đao”... là hy vọng sống sót cho những người lính trận. Bởi vì, khi cuộc chiến kết thúc thì người lính lại trở về làm dân, nếu may mắn không “xanh c” thì cũng có mấy ai được “đỡ ngực”.

Đã lại nhiều ấn tượng với tôi là các tác phẩm của Duyên Anh như : Dzũng Đakao, Vết thù trên lưng ngựa hoang, Điều ru nước mắt; của Nhã Ca: Truyện cho những cặp tình nhân, Thành phố buồn, Đêm nghe tiếng đại bác, Giọt khăn sô cho Huế. Truyện của Nguyễn Thị Hoàng rất lạ với tôi như: Vòng tay học trò, Tuổi Sài Gòn. Còn Nguyễn Thụy Long hay nhất là Loan mắt nhung. Đặc biệt là Mùa hè đỏ lửa của tác giả Phan Nhật Nam hay bộ ba tập “Đường đi không đến” của nhà văn “chiêu hồi” Xuân Vũ... Tôi đặc biệt thích Bình Nguyên Lộc với các công trình biên khảo công phu của ông và những trang văn, tùy bút đẹp đến nao lòng...

Tuy nhiên, cái hấp dẫn tôi nhất chính là mỗi tác giả có phong cách riêng, đã nhận biết qua chỗ đứng, cốt truyện và ngôn ngữ. Nhà văn Nam bộ hóm hỉnh, giết dị câu chữ, nhà văn miền Bắc sắc sảo, bóng bẩy, nhà văn và cũng là nhà báo thì sinh động, trực diện... Ngôn ngữ vùng miền, phương ngữ được sử dụng phổ biến. Có một xã hội phân hóa sâu sắc, phong phú, đa dạng và cũng khốc liệt, tàn nhẫn như cuộc sống hiện ra, thôi thúc tôi tò mò tìm đọc và luôn ngạc nhiên mỗi khi bước vào “khu rừng” văn học miền Nam khi ấy.

Đặc biệt sách văn học cho tuổi thanh thiếu niên rất nhiều, có lẽ nổi bật nhất là Tủ sách Tuổi Hoa. Sách Tuổi Hoa chia làm ba loại: Hoa Đỏ, Hoa Xanh và Hoa Tím. Tôi còn nhớ sách Hoa Đỏ là loại trinh thám, phiêu lưu, mạo hiểm. Hoa Xanh thuộc loại tình cảm nhẹ nhàng. Hoa Tím đã xuất hiện tình yêu giữa nam nữ một cách trong sáng. Dù hiệu thân thuộc của tủ sách là bông hoa tám cánh giết dị và xinh xắn.

Cũng phải nói đến những tiệm cho thuê sách và cửa hàng sách cũ luôn là nơi hấp dẫn với tôi chứ không phải là cửa hàng thời

trang hay mỹ phẩm. Tôi còn nhớ hoài có bạn học người Sài Gòn khá kỳ thị tôi bởi cái giọng Hà Nội 75 và trang phục giản dị có phần “hàng giàng ai”. Một lần không biết có việc gì bạn đến nhà tôi, nhìn thấy tôi sách bạn rất ngạc nhiên vì bên cạnh những cuốn sách tôi mang vào từ Hà Nội là rất nhiều sách xuất bản tại Sài Gòn. “Nhà Việt Cộng mà cũng có sách như nhà ‘Ngụy’ à?!” nhưng từ đó thái độ của bạn với tôi khác hẳn. Đặc biệt bạn bắt đầu đọc và rồi cũng thích nhiều tác phẩm văn học của miền Bắc.

Văn học miền Nam trước 1975 đa dạng và phong phú về tác giả, thể loại, khuynh hướng, trường phái... Đó là nhờ sự khai phóng của môi trường xã hội nói chung và môi trường sáng tác nói riêng, sự cởi mở của giới cầm bút chấp nhận những thử nghiệm, sáng tạo, tinh thần tự do dân chủ của giáo dục – nhất là giáo dục đại học. Những tác phẩm văn học tôi đọc tuy còn ít ỏi nhưng dần dần nhận biết giá trị nhân văn của một nền văn học, qua đó hiểu biết về xã hội và con người miền Nam trong cuộc chiến vừa qua. Điều đó góp phần giúp tôi thoát khỏi định kiến mặc cảm về “bên này – bên kia, thắng – thua, ta – địch” mà nhiều người cùng thời với tôi còn đang mang nặng trong lòng.”

DƯƠNG THU HƯƠNG tự nhận mình là “người rừng”, “mụ nhà quê răng đen, mặt toét”.

Báo chí Pháp thì gọi Dương Thu Hương là “Con Sói Đơn Độc”.

Còn lãnh đạo cộng sản Việt Nam thì chê bà là “con đĩ chảnh đàng”.



Dương Thu Hương và Đinh Quang Anh Thái tại một quán ăn ở Paris năm 2005. (Hình: Đinh Quang Anh Thái)

Gọi bằng gì thì gọi, Dương Thu Hương vẫn là chính mình: bẽn lẽn chột chân quê không hội nhập vào thế giới mạng Internet, bẽn lẽn, đờp chát, đơn độc, và trên hết, ngay thẳng, hết mực với mục tiêu nhắm tới là tranh đấu cho một nước Việt Nam dân chủ, tự do, thoát khỏi cái chế độ hiện nay mà bà gọi là “chết sống bằng xác chết, không có bất cứ giá trị gì cả.”

Sinh năm 1948, lớn lên tại miền Bắc vào đúng giai đoạn Cộng sản Hà Nội tung toàn lực lượng nhốt quyệt bằng mọi giá phải đạt được tham vọng “giải phóng miền Nam thoát khỏi sự kìm kẹp của Mỹ-Ngụy.” (sic)

Như lời bà kể, cùng với hơn 100 bạn ngang lứa tuổi, bà đã cút máu xin vào Nam “đánh Mỹ cứu nước”.

Những trải nghiệm trong chiến tranh, cùng những chua chát của Tháng Tư 1975 đã là chất liệu cho các tác phẩm sau này của bà,

như “Những Thiên Đường Mù”, “Bên Kia Bờ Sao Vọng”, “Khỏi Hoàn Môn”, “Đỉnh Cao Chối Lợi”, “No Mans Land” (tên bản Anh ngữ) được dịch sang Pháp ngữ là “Terre Des Oublis”...

Dương Thu Hương là một trong những người cầm bút đã can đảm “bước qua lời nguyền”, giành lại quyền suy nghĩ bằng cái đầu của chính mình với những bài phát biểu, bài viết; và nhất là với tác phẩm “Những Thiên Đường Mù.”

Tôi chỉ biết Dương Thu Hương qua tác phẩm, mãi tới khoảng giữa tháng Tư 1997, lần đầu tiên tôi mới có dịp – qua điện thoại – nói chuyện với “Con Sói Đơn Độc.”

Sau rất nhiều lần trò chuyện thăm hỏi, Dương Thu Hương mới trỗi lòng nói về dấu mốc quan trọng làm thay đổi hên cuộc đời bà là thời điểm đoàn quân của “bên thắng cuộc” vào Sài Gòn trưa ngày 30 Tháng Tư 1975.

Trở lại cuộc phỏng vấn bằng điện thoại, Dương Thu Hương kể: “Ngày 30 tháng Tư năm 1975 đã là một ngày rẽ trong đời tôi. Khi đội quân chiến thắng vào Sài Gòn, trong khi tất cả mọi người trong toán quân chúng tôi đều hớn hở cười thì tôi ngồi bên lề đường khóc. Vì tôi thấy tuột xuân của tôi đã hy sinh một cách ưong phí. Tôi không choáng ngợp vì nhà cao của rộng của miền Nam, mà vì tác phẩm của tất cả các nhà văn miền Nam đều được xuất bản trong một chế độ tự do; tất cả các tác giả mà tôi chưa bao giờ biết đều có tác phẩm bày trong các hiệu sách, ngay trên vỉa hè; và đầy rẫy các phương tiện thông tin như TV, radio, cassette. Những phương tiện đó đối với người miền Bắc là những giấc mơ. Ở miền Bắc, tất cả mọi báo đài, sách vở đều do nhà nước quản lý. Dân chúng chỉ được nghe đài Hà Nội mà thôi; và chỉ có những cán bộ được tin tưng làm mới được nghe đài Sơn Mao, tức là đài phát thanh Trung Quốc. Còn toàn bộ dân chúng chỉ được nghe loa phóng thanh tập thể; có nghĩa là chỉ được nghe một tiếng nói. Vào Nam tôi mới hiểu rằng, chế độ ngoài Bắc là chế độ man rợ vì nó chọc mù mắt con người, bịt lấp tai con người. Trong khi đó ở miền Nam người dân có thể nghe bất cứ thứ đài nào, Pháp, Anh, Mỹ... nếu người ta

muốn.

Đó mới là chế độ của nền văn minh. Và thật chua chát khi nền văn minh đã thua chế độ man rợ.”

Nhiều năm sau cuộc phỏng vấn lần đầu tiên đó, tôi thường xuyên điện thoại với Hà Nội nói chuyện với bà Dương Thu Hương; và thậm chí còn sang tận Paris thăm bà vào trung tuần Tháng Hai năm 2005, khi bà nhận lời mời của nhà xuất bản Sabine Wespieser Editeur đưa ra một tác phẩm đã được in bằng Anh ngữ, cuốn “No man’s land”, được dịch sang Pháp ngữ là “Terre Des Oublis”.

Trong suốt 8 năm được trò chuyện qua điện thoại và những lần gặp mặt trực tiếp, tác giả Thiên Đường Mù đã dành cho tôi nhiều cuộc phỏng vấn dài.

Tháng Tư 2020, nước Pháp và riêng thành phố Paris đang bị dịch Covid-19 hoành hành khiến người dân ai cũng ru rú trong nhà để tránh dịch, tôi gọi điện thăm Dương Thu Hương, bà nói “Con sói đơn độc” và đã đơn độc nay càng đơn độc hơn và đang dành trọn thì giờ góp phần cho cuộc đấu tranh dân chủ của đồng bào tại quê nhà. Tôi nhắc lại câu bà nói với tôi Tháng Tư năm 2007:

“Vào Nam tôi mới hiểu rằng, chế độ ngoài Bắc là chế độ man rợ vì nó chọc mù mắt con người, bịt lại tai con người. Trong khi đó ở miền Nam tác phẩm của tất cả các nhà văn miền Nam đều được xuất bản trong một chế độ tự do, người dân có thể nghe bất cứ thứ đài nào, Pháp, Anh, Mỹ...nếu người ta muốn.

Đó mới là chế độ của nền văn minh. Và thật chua chát khi nền văn minh đã thua chế độ man rợ.”

Chú thích :

* “Bên Thung Cuộc” là tựa cuốn sách của Nhà báo Huy Đức.